

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 740 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 08 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án đưa người lao động tỉnh Cà Mau
đi làm việc ở nước ngoài**

các đoàn thể; xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả xem đây là một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2

D

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

Đ

hoạch, dự toán kinh phí trình Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Hình thức, phương thức, quy trình thủ tục cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi, xử lý rủi ro

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hướng dẫn về cho vay vốn đi xuất khẩu lao động.

- Thực hiện theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Cà Mau hướng dẫn các ngân hàng cổ phần, thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia cho lao động vay đi xuất khẩu lao động.

4.2. Hỗ trợ tìm việc làm, khuyến khích tạo việc làm cho người lao động sau khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài trở về nước

Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người lao động về nước đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho người khác, được vay vốn ưu đãi để tạo việc làm theo quy định của pháp luật. Khuyến khích các doanh nghiệp ưu tiên tiếp nhận và tuyển dụng người lao động về nước vào làm việc.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, chính quyền địa phương thông báo cho người lao động về nước, hướng dẫn, giới thiệu người lao động đăng ký tìm việc làm phù hợp.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

5.1. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến 125.105 triệu đồng. Trong đó:

a) Ngân sách Trung ương:

- Nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động được Trung ương phân bổ hàng năm: 34.388 triệu đồng. Trong đó: Hỗ trợ ban đầu không hoàn lại cho 260 lao động: 3.588 triệu đồng; hỗ trợ vay vốn: 30.800 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020: Hỗ trợ ban đầu không hoàn lại cho 40 lao động là 372,6 triệu đồng.

b) Ngân sách tỉnh:

- Nguồn ngân sách tỉnh chi hỗ trợ bổ sung cho đối tượng là lao động thuộc hộ cận nghèo và lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc

biệt khó khăn quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017: 179,4 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung Quỹ quốc gia về việc làm và hỗ trợ không hoàn lại đối với đối tượng lao động khác không thuộc diện chính sách: 9.660 triệu đồng.

- Nguồn vốn đề xuất cho người lao động vay từ các ngân hàng thương mại dưới sự bảo lãnh của Ủy ban nhân dân tỉnh: 79.200 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, triển khai Đề án: 600 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện triển khai Đề án: 705 triệu đồng.

5.2. Nội dung chi:

- Hỗ trợ ban đầu: 13,8 triệu đồng/lao động xuất cảnh.

- Hỗ trợ cho vay: 110 triệu đồng/lao động xuất cảnh.

- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, triển khai Đề án: 600 triệu đồng.

- Hỗ trợ các hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án: 705 triệu đồng.

5.3. Thời gian thực hiện

Dự kiến kinh phí cụ thể cho từng năm như sau:

a) Năm 2018:

- Ngân sách Trung ương: 6.190 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 6.390 triệu đồng.

b) Năm 2019:

- Ngân sách Trung ương: 11.190 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 38.499 triệu đồng.

c) Năm 2020:

- Ngân sách Trung ương: 17.380 triệu đồng.

- Ngân sách tỉnh: 44.749 triệu đồng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đơn vị tại Phần IV của Đề án;
- LĐVP UBND tỉnh;
- KGVX (Đ47);
- Lưu: VT, Đ47.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Đức Hưởng

ĐỀ ÁN

**ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG TỈNH CÀ MAU ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 740 /QĐ-UBND ngày 08/5/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Xuất khẩu lao động và chuyên gia là nhu cầu khách quan của nền kinh tế, là hoạt động kinh tế - xã hội có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao trình độ tay nghề, tác phong công nghiệp cho người lao động, tăng nguồn thu ngoại tệ và thúc đẩy, tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế giữa nước ta với các nước.

Đối với tỉnh Cà Mau, xuất khẩu lao động là giải pháp quan trọng để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, giải quyết việc làm, tăng nguồn thu ngoại tệ cho tỉnh, góp phần đào tạo nguồn nhân lực và tăng cường hợp tác quốc tế.

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC
NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG THỜI GIAN QUA**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Cà Mau là tỉnh cực Nam của đất nước, có vị trí địa lý khá đặc biệt (ba mặt giáp biển và có chiều dài bờ biển là 254 km), có diện tích tự nhiên 5.221,19 km², dân số 1.222.575 người. Lực lượng lao động là 708.601 người, chiếm 56,57% tổng dân số, lao động thuộc khu vực thành thị là 148.752 người, chiếm 20,99%; lao động thuộc khu vực nông thôn 559.849 người, chiếm 79,01%; tỷ lệ lao động thất nghiệp còn 2,38% (số liệu niên giám thống kê năm 2016); tỷ lệ hộ nghèo đã giảm nhưng chưa thực sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn lớn, khả năng tái nghèo cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Số lượng người bước vào độ tuổi lao động cùng với số lượng bộ đội phục viên, xuất ngũ, học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học, sinh viên ra trường chưa tìm được việc làm, lao động đi làm việc ở nước ngoài hết hạn hợp đồng về nước... ngày càng gia tăng, sức ép về việc làm và thu nhập vẫn khá lớn.

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG ĐƯA LAO
ĐỘNG ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP
ĐỒNG THỜI GIAN QUA**

Ngày 03 tháng 7 năm 2003, Tỉnh ủy Cà Mau ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU về tăng cường công tác xuất khẩu lao động; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành

Quyết định số 82/2003/QĐ-UB ngày 04 tháng 12 năm 2003 về việc phê duyệt Đề án xuất khẩu lao động giai đoạn 2003 - 2005, Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 07/4/2006 về việc phê duyệt Đề án đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2006 - 2010; được Ban Chỉ đạo tỉnh, các cấp các ngành triển khai, quán triệt, thực hiện. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh Cà Mau tập trung chỉ đạo, thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu về việc làm. Tuy nhiên kết quả đạt được đều chưa đáp ứng yêu cầu, mục tiêu đề ra.

III. KẾT QUẢ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG TỪ NĂM 2011 ĐẾN NAY

Từ năm 2011 đến nay, tỉnh Cà Mau đã đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được 264 lao động, đạt 29,7% chỉ tiêu kế hoạch; với các hình thức: Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc dưới hình thức thực tập nâng cao tay nghề và hợp đồng cá nhân. Đối tượng chủ yếu là người lao động thuộc các hộ gia đình trên địa bàn không thuộc diện chính sách được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ. Thị trường chủ yếu: Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Malaysia... với ngành nghề lao động tham gia làm việc chủ yếu: Cơ khí, điện tử... (*Phụ lục 1*).

Thu nhập của đa số lao động làm việc ở nước ngoài mức lương bình quân cao hơn ở Việt Nam và được lo ăn, chỗ ở. Ngoài tiền lương, người lao động còn có tiền làm thêm giờ, tăng ca và nếu làm việc tốt sau 3 năm làm việc cố gắng tiết kiệm có thể tích lũy về cho gia đình khoảng 120 đến 150 triệu đồng đối với thị trường Malaysia; từ 360 đến 500 triệu đồng đối với thị trường Đài Loan và từ 600 đến 800 triệu đồng đối với thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc.

Tuy nhiên, từ năm 2012 đến nay, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau không thực hiện cho vay xuất khẩu lao động đối với người lao động trên địa bàn tỉnh, do không thuộc đối tượng được hỗ trợ vay. Riêng đối với lao động đi xuất khẩu thị trường Hàn Quốc, người lao động chỉ thực hiện ký quỹ 100 triệu đồng trước khi làm thủ tục xuất cảnh. Đồng thời, theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau, đến thời điểm 31/10/2017, tổng dư nợ hoạt động cho vay xuất khẩu lao động là 4.587 triệu đồng, nợ quá hạn 589 triệu đồng chiếm 12,8% tổng dư nợ.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thời gian qua, với sự cố gắng của các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa phương được duy trì trong nhân dân, góp một phần trong việc thực hiện công tác giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững; tuy nhiên kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu đặt ra; trong quá trình thực hiện có những thuận lợi và cũng gặp không ít khó khăn.

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo về thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Được sự chỉ đạo của cấp ủy, phối hợp của các ngành chức năng từ tỉnh đến cơ sở; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tư vấn việc làm tại địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát được duy trì.

Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ, tạo điều kiện đã chủ động phối hợp với các ngành, các địa phương trong tư vấn, tuyển chọn lao động.

Lực lượng lao động trong tỉnh dồi dào, người lao động có chuyên môn nghiệp vụ về mặt tư tưởng theo hướng tích cực, một bộ phận người lao động và gia đình đã xác định được lợi ích khi đi làm việc ở nước ngoài và đã tích cực tham gia.

2. Khó khăn

Công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động từ Trung ương đến địa phương còn bất cập, thiếu đồng bộ. Sự chỉ đạo của nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở trong công tác xuất khẩu lao động thiếu đồng bộ và chưa quyết liệt; chưa đề ra được chương trình mang tính dài hạn, với mục tiêu, giải pháp cụ thể để thực hiện.

Sự phân công, phân cấp trách nhiệm giữa các ngành, các địa phương trong công tác xuất khẩu lao động chưa rõ ràng dẫn đến quá trình tổ chức triển khai thực hiện còn nhiều lúng túng; sự phối hợp thực hiện giữa các ngành, địa phương, cơ sở với các đơn vị có chức năng xuất khẩu lao động chưa chặt chẽ.

Một số doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài thiếu phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành từ khâu tuyển chọn, đào tạo, lập hồ sơ xuất cảnh đến quản lý giám sát người lao động và chủ sử dụng lao động ở nước ngoài; chưa chấp hành tốt chế độ báo cáo định kỳ, tình hình làm việc, thu nhập và đời sống của người lao động tại nước sở tại, chưa giải quyết kịp thời những vướng mắc, tranh chấp hợp đồng lao động, hỗ trợ người lao động giải quyết những khó khăn trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

Thông tin thị trường xuất khẩu lao động, điều kiện người lao động còn bất cập giữa nguồn lao động xuất khẩu và thị trường tiếp nhận: Thị trường lao động ở Malaysia phù hợp với lao động Cà Mau là lao động phổ thông, với chi phí đi xuất khẩu lao động thấp, nhưng thu nhập lại không cao; thị trường lao động ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan có mức thu nhập cao nhưng đòi hỏi điều kiện tuyển chọn, chi phí đi xuất khẩu lao động quá cao so với khả năng của người lao động địa phương.

3. Nguyên nhân

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến các cấp, các ngành, hộ gia đình và người lao động, thời gian qua chưa thật sâu, rộng.

Công tác giáo dục, định hướng nghề nghiệp cho người lao động, chưa được quan tâm đúng mức.

Công tác đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu lao động, chương trình dạy ngoại ngữ cho người lao động chưa phù hợp, thời gian ngắn, ảnh hưởng đến nhận thức và am hiểu về phong tục tập quán của các nước mà người lao động đến làm việc.

Đa số người lao động Cà Mau đời sống còn nhiều khó khăn, chi phí đào tạo và xuất khẩu lao động tại một số thị trường như: Nhật Bản, Hàn Quốc... quá cao so với khả năng của người lao động. Người lao động thuộc đối tượng chính sách có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, được hỗ trợ chi phí đào tạo và vay vốn nhưng không đảm bảo 100% các chi phí, nên người lao động nghèo, cận nghèo gặp rất nhiều khó khăn.

Trên địa bàn tỉnh Cà Mau chưa có doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; hầu hết các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển chọn lao động tỉnh Cà Mau đi làm việc ở nước ngoài có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội. Khi có nhu cầu, các doanh nghiệp chủ yếu thông báo kế hoạch và các điều kiện tuyển chọn lao động, ít khi phối hợp cùng với địa phương tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyển chọn lao động.

Phần II

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN VÀ DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006;

- Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở

nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC);

- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

- Nghị quyết số 07/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa VIII, kỳ họp thứ 14 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

- Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 28/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

Để tiếp tục tổ chức thi hành các văn bản nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu xây dựng "Đề án đưa người lao động tỉnh Cà Mau đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018 - 2020" để triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nói chung, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nói riêng là nhiệm vụ cần thiết, vừa là xu hướng hội nhập quốc tế về lao động và việc làm, vừa góp phần giải quyết yêu cầu việc làm, giảm nghèo bền vững, phù hợp thực trạng lao động, việc làm, tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Dự báo thị trường lao động

a) Nhật Bản: Thị trường lao động Nhật Bản nhận tu nghiệp sinh có nghề hoặc không có nghề và y tá, thủy thủ... Ở Nhật Bản, điều kiện làm việc của người lao động được thuận lợi và thu nhập tương đối cao.

b) Hàn Quốc: Hàn Quốc có 50 triệu dân, mức thu nhập bình quân đầu người là 30.800 USD/năm; là nước có nền kinh tế phát triển với nhiều ngành công nghiệp như: Chế tạo ô tô, điện tử, đóng tàu, sản xuất thép, công nghệ thông tin... Thị trường lao động Hàn Quốc đang có nhu cầu lớn về lao động là sỹ quan, thủy thủ tàu vận tải biển và thuyền viên đánh cá, lao động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thủy sản, nông nghiệp, dịch vụ tư nhân và công cộng.

c) Úc: Thị trường Úc lao động chủ yếu đi bằng hình thức du học sinh thực tập sang làm việc trong ngành xây dựng, nông nghiệp có thời gian làm việc từ 3 năm đến 5 năm, mức lương khá ổn định.

d) Đài Loan: Thị trường lao động Đài Loan vẫn còn khả năng nhận nhiều lao động Việt Nam làm việc trong các công xưởng, nhà máy và thuyền viên đánh cá.

đ) Một số thị trường khác: Một số thị trường xuất khẩu lao động khác như: Trung Đông và Châu Phi... cũng có nhu cầu nhận lao động, chuyên gia Việt Nam

trong các lĩnh vực xây dựng, nông nghiệp, y tế, giáo dục; một số nước có nhu cầu thủy thủ tàu vận tải và nhu cầu thuyền viên đánh cá.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung đẩy mạnh và tạo bước phát triển bền vững trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có chọn lọc thị trường và nhóm ngành nghề phù hợp với lao động, nâng cao chất lượng và giá trị lao động. Qua đó, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có tay nghề cao, tiếp cận và sử dụng thành thạo các loại thiết bị công nghệ mới, bổ sung nguồn lao động kỹ thuật cho sự nghiệp công nghiệp hóa tinh nhà. Thực hiện tốt các chính sách đối với lao động hết hạn hợp đồng về nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2018 - 2020, phấn đấu đưa 1.000 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Bình quân hàng năm đưa khoảng 340 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, ở các thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Đài Loan,...; cụ thể:

Năm 2018: 100 lao động;

Năm 2019: 400 lao động;

Năm 2020: 500 lao động

(Phụ lục 2).

3. Đối tượng lao động

Người lao động có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Cà Mau thuộc các đối tượng: Thân nhân của người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp *(đối tượng chính sách)*.

Người lao động là đối tượng khác có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng *(đối tượng không thuộc diện chính sách)*.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền đối với hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở cần quán triệt sâu sắc, tuyên truyền rộng rãi và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác xuất khẩu lao động.

Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn với sự tham gia đồng bộ của các ngành chức năng và các đoàn thể; xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện một cách thiết thực,

hiệu quả xem đây là một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Đối với các cơ quan nhà nước quản lý hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo xuất khẩu lao động ở ba cấp: Tỉnh, huyện, xã đảm bảo đầy đủ thành phần ở các ban, ngành, đoàn thể liên quan tham gia.

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, thực hiện công tác xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy trực thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nhằm khai thác, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực hậu xuất khẩu lao động, đồng thời có sự phân công, phân cấp quản lý nguồn lao động này, quản lý thông tin liên quan đến lao động theo thị trường, ngành nghề,... khi còn làm việc ở nước ngoài và nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong nước để có thể gắn kết và giới thiệu công việc cho người lao động ngay sau khi về nước.

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về xuất khẩu lao động

Tập trung tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xuất khẩu lao động, chính sách hỗ trợ về vốn vay đối với người lao động đi xuất khẩu lao động bằng nhiều hình thức để từng bước tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân. Công khai, minh bạch các thông tin về thị trường, mức phí, mức lương, thời gian đào tạo, dự kiến lịch bay... để người lao động nắm được. Tuyên truyền, phổ biến những mô hình, điển hình tiên tiến trong công tác xuất khẩu lao động.

4. Chú trọng việc giải quyết việc làm cho đối tượng là sinh viên mới ra trường

Hiện lực lượng sinh viên của tỉnh Cà Mau đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên cả nước ước tính khoảng 11.000 sinh viên, các trường ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 4.680 sinh viên đang học tại các trường Đại học, các ngành chủ yếu là y dược, nuôi trồng thủy sản, công nghệ thông tin,... lực lượng này hiện tại đang có nguy cơ khó tìm được việc làm (*theo báo cáo của các huyện, thành phố đến cuối năm 2016, trên địa bàn tỉnh có 2.052 sinh viên chưa có việc làm hoặc việc làm không ổn định*) nên đây là giải pháp tối ưu đối với lực lượng sinh viên mới ra trường hiện nay chưa tìm được việc làm và cũng là cơ hội để các em trải nghiệm và nâng cao trình độ, tay nghề, nâng cao nhận thức, tác phong làm việc công nghiệp, tạo ra thu nhập ổn định, có nguồn vốn nhất định để khởi nghiệp sau khi kết thúc hợp đồng lao động trở về.

5. Tạo nguồn xuất khẩu lao động, trong đó đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực gắn với xuất khẩu lao động

Tạo mối liên kết giữa các doanh nghiệp xuất khẩu lao động, Trung tâm Dịch vụ việc làm và người lao động. Trung tâm Dịch vụ việc làm nắm chắc số lượng lao động đào tạo trong các trường nghề để tư vấn về xuất khẩu lao động, tiếp nhận

danh sách lao động đăng ký và cung cấp lao động cho các doanh nghiệp, phối hợp với các doanh nghiệp xuất khẩu lao động trong việc đào tạo nghề, ngoại ngữ, định hướng...

Tăng cường mô hình liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu lao động và chính quyền địa phương trong công tác đào tạo, thông qua các Quỹ giải quyết việc làm, Quỹ giảm nghèo, ngân sách địa phương hỗ trợ tối đa cho người lao động, tổ chức đào tạo ngay tại địa phương (nếu có thể) để giảm chi phí, tạo mọi điều kiện cho người lao động tham gia học nghề và ngoại ngữ được tốt nhất.

Các đơn vị, doanh nghiệp tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thực hiện công tác đào tạo lao động cần chú trọng đào tạo cho người lao động đầy đủ những kỹ năng về tay nghề, ngôn ngữ và kỷ luật trong lao động, nhằm nâng cao ý thức của người lao động chấp hành nghiêm minh Luật pháp nước sở tại, nơi người lao động đến làm việc.

6. Phối hợp chặt chẽ với Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc đào tạo nghề tạo nguồn lao động chất lượng cao cho công tác xuất khẩu lao động

Đào tạo nghề là điều kiện quan trọng tất yếu đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài, để giảm chi phí đi lại, ăn, nghỉ, sinh hoạt của người lao động cần phải phát huy nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong tỉnh, trọng tâm là Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Trường phải chủ động trong công tác đào tạo, tạo nguồn và cung cấp lực lượng lao động qua đào tạo nghề cho công tác xuất khẩu lao động.

7. Không ngừng tìm kiếm, mở rộng thị trường lao động thông qua các cơ quan lao động, các công ty xuất khẩu lao động, các trường đào tạo tại nước ngoài

Thường xuyên cập nhật và có mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan lao động trong khu vực, cả nước, các doanh nghiệp chuyên đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, Trung tâm lao động ngoài nước nhằm tìm kiếm và chọn lựa những đơn vị uy tín, những thị trường tiềm năng và các doanh nghiệp có điều kiện tốt nhất để đưa lao động tỉnh Cà Mau sang làm việc.

8. Kết hợp với các Dự án hỗ trợ cho người lao động trên địa bàn tỉnh, nhằm nâng cao nguồn lực tài chính thực hiện Đề án

Nhằm huy động tối đa các nguồn vốn các chính sách, dự án hỗ trợ cho lao động tỉnh Cà Mau đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực hiện lồng ghép phân loại đối tượng lao động thuộc diện hưởng chính sách (chính sách cho lao động thuộc đối tượng bị thu hồi đất, chính sách cho đối tượng lao động thuộc Chương trình 135,...) trong quá trình làm hồ sơ. Nhằm tiết kiệm nguồn kinh phí, tăng chỉ tiêu thực hiện Đề án.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá

Công tác thanh tra, kiểm tra phải tiến hành thường xuyên, kịp thời nhưng phải đảm bảo quyền tự chủ của doanh nghiệp nhằm phát huy những nhân tố tích

cực đồng thời có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Tập trung thanh tra, kiểm tra những doanh nghiệp có nhiều phát sinh, sai phạm.

Đồng thời, qua các đợt thanh tra, kiểm tra cần tổ chức tổng kết, đánh giá nhằm nắm bắt được tình hình thực hiện pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động và các kiến nghị của doanh nghiệp và địa phương để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật cho phù hợp với yêu cầu thực tế của công tác quản lý.

IV. HIỆU QUẢ MANG LẠI KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về việc hỗ trợ đối tượng khác không thuộc diện chính sách vay vốn

Tổng nguồn kinh phí thực hiện Đề án là 125.105 triệu đồng, trong đó nguồn kinh phí hỗ trợ cho lao động không thuộc diện chính sách vay từ các ngân hàng thương mại là 79.200 triệu đồng dưới sự bảo lãnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngân sách tỉnh hỗ trợ không hoàn lại cho đối tượng này là 9.660 triệu đồng. Hiện nay, mặc dù chưa có cơ chế chính sách cho người lao động không thuộc diện chính sách vay vốn đi xuất khẩu lao động nhưng năm 2017 đã có 60 lao động tỉnh Cà Mau đi lao động có thời hạn ở nước ngoài đạt 120% kế hoạch năm 2017.

Trên thực tế nhu cầu đi lao động ở nước ngoài của lao động tỉnh Cà Mau khá lớn, nhưng do các thị trường lao động Hàn Quốc, Nhật Bản có chi phí khá cao nên số lượng người lao động tham gia xuất khẩu lao động còn hạn chế. Mặc dù số tiền được đề xuất theo Đề án khá lớn, nhưng xét về chủ trương hoàn toàn phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, việc cho vay căn cứ vào nguồn thu nhập của người lao động ở các thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc,... người lao động sẽ đủ khả năng hoàn lại nguồn vốn vay sau khi kết thúc Đề án. Theo số liệu ước tính ban đầu thì số tiền 1.000 lao động tích lũy được sau khi kết thúc Đề án là 650.680 triệu đồng.

2. Nguồn ngoại tệ người lao động mang về tỉnh

- Đối với thị trường Nhật Bản: Thực hiện 600 lao động dự kiến nguồn ngoại tệ mang về tỉnh là 429.720 triệu đồng (*Phụ lục: NB*).

- Đối với thị trường Hàn Quốc: Thực hiện 190 lao động dự kiến nguồn ngoại tệ mang về tỉnh là 136.078 triệu đồng (*Phụ lục: HQ*).

- Đối với thị trường Đài Loan: Thực hiện 100 lao động dự kiến nguồn ngoại tệ mang về tỉnh là 38.620 triệu đồng (*Phụ lục: DL*).

- Đối với thị trường Úc: Thực hiện 40 lao động dự kiến nguồn ngoại tệ mang về tỉnh là 25.528 triệu đồng (*Phụ lục: U*).

- Đối với một số thị trường khác: Thực hiện 70 lao động dự kiến nguồn ngoại tệ mang về tỉnh là 20.734 triệu đồng (*Phụ lục: K*).

Đây là nguồn vốn đáng kể góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

3. Lĩnh hội kiến thức khoa học các nước tiên tiến, nâng cao tay nghề thu hút đầu tư từ nước ngoài

Sau khoảng thời gian làm việc tại các thị trường lao động có nền kinh tế phát triển, tiếp cận với khoa học, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, tác phong công nghiệp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, một số lao động đã về địa phương được các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê lại với mức thu nhập khá cao và ổn định, một số người lao động trải qua quá trình làm việc chuyên nghiệp, nhận được sự tín nhiệm cao của các nhà đầu tư, họ sẽ thực hiện đầu tư xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp chất lượng cao và sử dụng những người lao động đã từng làm việc cho họ. Một số lao động tự thành lập doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi và giải quyết việc làm khá hiệu quả cho lao động tại địa phương.

4. Giải pháp giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững

Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nói chung, hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nói riêng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, vừa là xu hướng hội nhập quốc tế về lao động và việc làm trong tình hình hiện nay, vừa góp phần giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững. Hiện tại đối với người lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách,... đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ 100% chi phí ban đầu và được vay vốn với lãi suất ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội, sau khi kết thúc hợp đồng lao động trở về hoàn lại vốn vay tại Ngân hàng thì người lao động vẫn còn tích lũy được từ 600 đến 800 triệu đồng.

Đồng thời cũng là giải pháp tối ưu để giải quyết việc làm cho đối tượng là sinh viên Cà Mau đang học tại các trường Cao đẳng, Đại học có nguy cơ không tìm được việc làm, đây cũng là cơ hội để các em trải nghiệm và nâng cao trình độ, tay nghề, nâng cao nhận thức, tác phong làm việc công nghiệp, tạo ra thu nhập ổn định, có nguồn vốn nhất định để khởi nghiệp sau khi kết thúc hợp đồng lao động trở về.

Phần III

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. CHÍNH SÁCH

1. Nội dung và mức hỗ trợ chi phí ban đầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết

- *Đào tạo nghề nghiệp*: Theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (tối đa từ 2.000.000 đồng - 3.000.000 đồng/người/khóa học).

- *Đào tạo ngoại ngữ*: Theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học.

- *Bồi dưỡng kiến thức cần thiết*: Theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học.

- *Tiền ăn trong thời gian đào tạo*: Mức 40.000 đồng/người/ngày (tính theo số ngày thực học)/khoá học (dự kiến 6 tháng: 5.200.000 đồng/khoá học).

- *Chi phí đi lại*: Cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo (01 lượt đi và về): Mức 200.000 đồng/người/khoá học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên.

b) Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài

- Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định tại Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (200.000 đồng).

- Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (từ 100.000 - 200.000 đồng).

- Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

- Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

c) Mức hỗ trợ bình quân tối đa không quá 13.800.000 đồng/lao động

- Đối tượng chính sách, mức hỗ trợ ban đầu tối đa không quá 13.800.000 đồng/lao động (chi phí/hồ sơ xuất cảnh, hỗ trợ 100%), *(tùy vào mức chi phí thực tế của từng thị trường có mức hỗ trợ cụ thể)*.

- Đối tượng khác không thuộc diện chính sách có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, mức hỗ trợ ban đầu tối đa không quá 13.800.000 đồng/lao động (chi phí/hồ sơ xuất cảnh, hỗ trợ 100%), *(tùy vào mức chi phí thực tế của từng thị trường có mức hỗ trợ cụ thể)*.

d) Số lần được hỗ trợ

Người lao động chỉ được hỗ trợ một lần các khoản chi phí ban đầu theo quy định, trường hợp người lao động đã được hỗ trợ kinh phí ban đầu để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài từ các chính sách khác, thì không được hỗ trợ từ chính sách của Đề án này.

2. Hỗ trợ cho vay chi phí xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Phụ lục số 3)

a) Điều kiện vay vốn

Người lao động đã ký hợp đồng lao động với công ty hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; có lịch xuất cảnh của người lao động,

được công ty xác nhận; cư trú hợp pháp tại địa phương nơi ngân hàng cho vay. Đề nghị mức vay tối đa là 100% chi phí, cụ thể như sau:

- Đối tượng chính sách:

Vay tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh từ nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động: Mức vay 100%.

- Đối tượng khác không thuộc diện đối tượng chính sách:

Vay tín chấp từ các ngân hàng thương mại dưới sự bảo lãnh của Ủy ban nhân dân tỉnh, mức vay 100% chi phí xuất cảnh của lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc cho vay theo giá trị hợp đồng nhưng không vượt quá tổng mức chi phí xuất cảnh.

b) Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các chi phí, lệ phí hợp pháp cần thiết để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng lao động đã ký giữa bên tuyển dụng và người lao động gồm: Phí tư vấn hợp đồng, phí đặt cọc, vé máy bay một lượt từ Việt Nam đến nước mà người lao động tới làm việc, chi phí cần thiết khác tại hợp đồng lao động.

c) Thời hạn vay

Việc xác định thời hạn cho vay căn cứ vào thời hạn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tuyển dụng và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

d) Lãi suất cho vay

- Đối với đối tượng chính sách: Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vay tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Đối với các đối tượng khác không thuộc diện chính sách: Vay từ các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Cà Mau với lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Cà Mau.

đ) Số lần được vay vốn

Người lao động chỉ được vay tín chấp một lần theo chính sách của Đề án.

II. CƠ CHẾ

1. Hình thức hỗ trợ

a) Hình thức hỗ trợ không hoàn lại chi phí ban đầu làm hồ sơ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Đối với đối tượng chính sách: Hỗ trợ không hoàn lại 100% chi phí ban đầu từ nguồn Quỹ quốc gia về xuất khẩu lao động.

Riêng các đối tượng là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài, ưu tiên là

thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo được quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và thực hiện thanh quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Đối với đối tượng lao động thuộc hộ cận nghèo mức hỗ trợ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 30% còn lại sẽ được hỗ trợ bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh.

Đối với đối tượng lao động khác mức hỗ trợ tối đa bằng 50% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 50% còn lại sẽ được hỗ trợ bổ sung từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Đối với lao động khác không thuộc diện chính sách: Hỗ trợ không hoàn lại 100% chi phí ban đầu từ nguồn ngân sách tỉnh.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện việc hỗ trợ, thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành. Hàng năm căn cứ chỉ tiêu kế hoạch đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí trình Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Hình thức, phương thức, quy trình thủ tục cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi, xử lý rủi ro

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hướng dẫn về cho vay vốn đi xuất khẩu lao động.

- Thực hiện theo Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Cà Mau hướng dẫn các ngân hàng cổ phần, thương mại trên địa bàn tỉnh tham gia cho lao động vay đi xuất khẩu lao động.

- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, triển khai Đề án: 600 triệu đồng. (Phụ lục 4.3)

- Hỗ trợ các hoạt động của Ban chỉ đạo Đề án: 705 triệu đồng. (Phụ lục 4.3)

động, tạo điều kiện cho họ phát huy hiệu quả tay nghề, kinh nghiệm và số vốn họ kiếm được khi còn làm việc ở nước ngoài, đồng thời tạo sự an tâm, tin tưởng cho số lao động sắp hết hạn hợp đồng sẵn sàng về nước đúng hạn.

Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì lập kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí từ các dự án về giới thiệu và đào tạo lao động xuất khẩu.

đúng thủ tục theo quy định và dưới sự hướng dẫn cụ thể, quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

7. Công an tỉnh

Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thực hiện các thủ tục...

c đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đạt hiệu quả

tốt công tác
cao nhất.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

10. Ủy

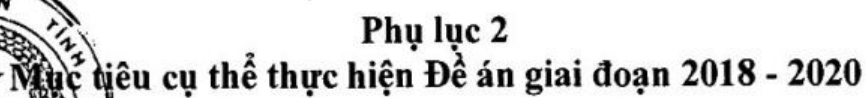
đạo thành lập Ban Chỉ đạo Đề án đưa người lao động tỉnh Cà Mau đi
nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018 - 2020 cấp huyện, cấp xã do
lý.

Chỉ
làm việc ở
mình quản

định Kế hoạch thực hiện Đề án đưa người lao động tỉnh Cà Mau đi làm

Xây

khẩu lao động, thực hiện tuyên truyền, tư vấn tại địa phương tạo nguồn lao động đi



Đơn vị: Người



Phụ lục 3

Tổng nhu cầu chi phí cho lao động đi làm việc ở nước ngoài
chia theo thị trường cụ thể như sau:

CHI PHÍ VÀ HIỆU QUẢ ĐI LAO ĐỘNG THỊ TRƯỜNG HÀN QUỐC

(Tam tính mức bình quân của một lao động làm một số ngành nghề cơ bản như:



Phụ lục: U



CHỈ PHÍ VÀ HIỆU QUẢ ĐI LAO ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ÚC
(Tạm tính mức bình quân của một lao động làm việc trong ngành xây dựng)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền
-----	----------	----------	------------	------------





NHU CẦU KINH PHÍ CHO ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

1.9	Hỗ trợ tiền làm hộ chiếu	260	200	52.000
1.10	Hỗ trợ tiền làm visa	260	720	187.200
1.11	Hỗ trợ tiền làm lý lịch tư pháp	260	200	52.000
2	Hỗ trợ không hoàn lại cho 01 lao động từ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020	40		372.600



**DỰ TOÁN KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN**

Phụ lục 4.3

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Nguồn kinh phí tuyên truyền, triển khai Đề án				600.100
1	Chuyên đề phát trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Kỳ phát sóng	30	4.200	126.000
2	Chuyên đề phát trên Đài Truyền thanh các huyện, thành phố	Kỳ phát thanh	30	1.900	57.000
3	Chuyên trang Báo ảnh Đất Mũi, Báo Cà Mau	Kỳ	30	5.000	150.000
4	In tờ rơi, nội dung tuyên truyền chính sách Đề án phân bổ về cho các huyện, thành phố	Tờ	74.000	2	148.000
5	Kinh phí lập Đề án, Ban Biên tập nội dung, thông tin tuyên truyền	Lần	2	5.000	10.000
6	Hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền khác (Hội thi, Hội diễn, tuyên truyền Đề án)	Lần	2	31.000	62.000
7	Triển khai Đề án cấp tỉnh	Lần	1		12.000
7.1	Nước uống đại biểu tham dự Hội nghị	Người	200	30	6.000
7.2	In tài liệu triển khai Đề án	Bộ	200	20	4.000
7.3	Thuê hội trường, trang trí, khánh tiết	Lần	1	2.000	2.000
8	Ban Chỉ đạo tham gia triển khai Đề án cấp huyện	Đơn vị	9		35.100
	Hỗ trợ tài liệu triển khai Đề án (hỗ trợ 100 bộ/huyện, thành phố x 9 = 900 bộ)	Bộ	900	20	18.000
	Công tác phí cho Ban Chỉ đạo triển khai Đề án cấp huyện	Đơn vị	9	1.900	17.100
II	Nguồn kinh phí hỗ trợ các hoạt động triển khai Đề án của Ban Chỉ đạo				705.000
1	Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện Đề án (Mỗi huyện thực hiện giám sát 02 lần/năm)	Lần	6	70.000	420.000
2	Chi Hội nghị sơ kết 6 tháng, 9 tháng, tổng kết năm công tác thực hiện Đề án	Cuộc	4	6.000	24.000
3	Chi khen thưởng	Lần	3	27.000	81.000



4	Chỉ khảo sát thị trường và tìm kiếm nguồn lao động đang làm việc ngoài tỉnh, các trường Đại học, Cao đẳng có con em tỉnh Cà Mau theo học	Lần	6	30.000	180.000
III	Ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện				
	Căn cứ vào Kế hoạch triển khai Đề án và chỉ tiêu Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Đề án này xây dựng Kế hoạch hoạt động cho Ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện, xã. Sử dụng từ nguồn kinh phí trích lãi cho vay từ nguồn vốn giải quyết việc làm; xuất khẩu lao động chuyển về cho huyện, thành phố, trong trường hợp nguồn kinh phí này không đảm bảo đề xuất chi thêm từ nguồn ngân sách huyện, thành phố.				

**CHỈ TIÊU THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

TT	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	Tổng số	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
01	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	125	15	50	60	
02	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	120	10	50	60	
03	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	110	10	40	60	
04	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	100	10	40	50	
05	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	75	5	30	40	
06	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	120	10	50	60	
07	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	110	10	45	55	
08	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	130	20	50	60	
09	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	110	10	45	55	
	TỔNG CỘNG:	1.000	100	400	500	